

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CƠ BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Định nghĩa cơ bản về Ngân hàng Thương mại

Ngân hàng thương mại là một tổ chức kinh tế hoạt động trong lĩnh vực giao dịch tiền tệ. Nghiệp vụ nòng cốt thường trực là tiếp nhận các khoản tiền gửi từ khách hàng với nghĩa vụ hoàn trả đồng thời dùng khoản tiền gửi từ khách hàng để cung cấp tín dụng cho vay, ứng dụng nghiệp vụ chiết khấu và làm công cụ thanh toán.

1.1.2. Khái niệm về hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại

Cho vay là sự chuyển giao tạm thời một lượng giá trị từ chủ sở hữu sang người sử dụng để sau một thời gian nhất định chủ sở hữu sẽ thu về giá trị lớn hơn giá trị ban đầu. Đối với lĩnh vực ngân hàng, cấp tín dụng là một hoạt động tín dụng của ngân hàng nhằm điều tiết vốn trong bối cảnh kinh tế dựa trên phương thức phân bổ nguồn vốn nhàn rỗi để thỏa mãn nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh và đời sống dân cư xã hội.

Hoạt động tín dụng cho vay của Ngân hàng cho đối tượng vay là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh, tổ hợp tác. Ngân hàng cung ứng vốn cho tổ chức hoặc cá nhân nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ việc sản xuất kinh doanh, tiêu dùng của tổ chức hoặc cá nhân trong một khoảng thời gian nhất định dựa trên cơ sở quy tắc hoàn trả đúng thời hạn cả gốc và lãi.

1.1.3. Phân loại các hình thức cho vay của Ngân hàng thương mại

- ❖ Căn cứ theo thời hạn cho vay
 - Ngắn hạn: thời hạn không quá 12 tháng
 - Trung hạn: thời hạn > 12 - 60 tháng
 - Dài hạn: thời hạn > 60 tháng
- ❖ Căn cứ theo đối tượng vay
 - Trực tiếp: Bên vay và bên thanh toán là cùng 1 người
 - Gián tiếp: Bên vay và bên thanh toán là 2 người
- ❖ Căn cứ theo phương thức cho vay
 - Cho vay theo thứ (món)
 - Hạn mức tín dụng
 - Hạn mức thấu chi
 - Cho vay theo hình thức trả góp
 - Cho vay dựa trên nghiệp vụ cấp phát và ứng dụng thẻ tín dụng
- ❖ Căn cứ theo mục đích vay
 - Cấp tín dụng theo nhu cầu vay kinh doanh
 - Cấp tín dụng theo nhu cầu vay tiêu dùng

1.1.4. Nguyên tắc cho vay của Ngân hàng thương mại

- Vốn tín dụng phải được sử dụng chính xác mục tiêu đã đề ra theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng để cam kết hiệu quả sử dụng vốn vay, đảm bảo khách hàng luôn có ý thức thực thi tốt công tác thanh toán nợ đúng thời hạn như đã cam kết.
- Hoàn trả tất cả các khoản tiền nợ gốc và lãi vay đúng hạn, đảm bảo khoản tiền vay được thu hồi đầy đủ và có sinh lời cho Ngân hàng.
- Có TSDB để tăng tính an toàn và tin cậy, cam kết nguồn vốn của Ngân hàng có thể thu hồi khi khách hàng vi phạm một trong các điều kiện vay vốn hoặc khi chủ tài sản thế chấp không còn đủ khả năng thanh toán khoản nợ vay.

1.1.5. Đảm bảo tín dụng

TSDB (Tài sản đảm bảo) giúp cho Ngân hàng giảm bớt các tổn thất khi khách hàng không có khả năng thanh toán nợ vì một lý do nào đó. Đồng thời, khi có TSDB (Tài sản đảm bảo) khách hàng sẽ có ý thức thực hiện nghĩa vụ trả nợ tốt hơn.

Thứ nhất, Thế chấp tài sản

Đối tượng của tài sản đảm bảo vay thường là tài sản cố định như bất động sản: đất đai, nhà ở, tài sản địa ốc, địa chính, bất động sản thương mại, các loại tài sản gắn liền với nhà ở, công trình xây dựng trên đất... Những bất động sản có tham gia bảo hiểm thì giá trị hợp đồng bảo hiểm cũng thuộc tài sản đảm bảo vay. Ngoài ra, tài sản đảm bảo vay có thể là tài sản di động và tài sản hình thành trong tương lai.

Thứ hai, Cầm cố tài sản

Tài sản cầm cố là tài sản di động (động sản) bao gồm:

- Phương tiện giao thông, máy móc thiết bị, hàng hóa vật phẩm, máy bay, tàu biển,...
- Kim khí quý, đá quý, vàng, tiền mặt ngoại tệ, số dư tài khoản,...
- Các loại giấy tờ có giá như: Cổ phiếu, trái phiếu, hối phiếu, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi, ... Cổ phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành.
- Quyền tài sản có được từ quyền của tác giả, quyền sở hữu trí tuệ công nghiệp, quyền sở hữu tài sản công nghiệp, quyền sở hữu thương hiệu, quyền đòi nợ, quyền thừa hưởng tiền bảo hiểm, ...

Lợi nhuận và quyền lợi phát sinh từ tài sản cầm cố.

Thứ ba, Bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba

Là hình thức đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản của bên thứ ba đã cam kết với Ngân hàng về việc dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình hoặc doanh nghiệp nhà nước sử dụng tài sản được giao phó để thanh toán nợ cho bên vay trong trường hợp bên vay không thanh toán nợ khi khoản vay đến hạn.

1.1.6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng bùng phát trong trạng thái khi Ngân hàng không thu được một phần hay toàn bộ gốc và lãi của khoản cho vay. Nghĩa là: “Rủi ro tín dụng là khả năng

xảy ra do khách hàng không thực hiện trả nợ theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng”. Rủi ro tín dụng xảy ra khi khách hàng đi vay không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền vay theo thời hạn và vi phạm điều kiện trong hợp đồng làm cho Ngân hàng phải gánh chịu tổn thất về tài chính.

Thứ nhất, Rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là kiểu rủi ro có sự ảnh hưởng đến hầu như toàn bộ các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nền kinh tế xã hội. Lãi suất luôn có sự biến động trên thị trường, điều này khiến cho hoạt động của Ngân hàng có khả năng gặp phải rủi ro. Một số trường hợp phát sinh khi xảy ra rủi ro lãi suất:

- Lạm phát, lãi suất của Ngân hàng được điều chỉnh theo xu hướng tăng của thị trường làm chi phí của Ngân hàng tăng theo, theo đó làm giảm thu nhập của Ngân hàng.
- Cơ cấu tài sản nợ và tài sản có của Ngân hàng chưa được hợp lý. Ngân hàng dùng tài sản ngắn hạn để đầu tư vào tài sản có dài hạn. Khi lãi suất ngắn hạn tăng, chi phí của ngân hàng cũng tăng lên, mà thu nhập của tài sản có dài hạn thì vẫn giữ nguyên khiến cho thu nhập của ngân hàng không đủ để bù đắp chi phí kinh doanh từ đó ăn mòn vào vốn.
- Do trình độ thấp bị thua thiệt trong vấn đề cạnh tranh lãi suất trên thị trường.
- Yếu tố của nền kinh tế như cung, cầu, yếu tố thị trường...
- Việc điều chỉnh lãi suất giảm của Nhà nước. Lúc này lãi suất cho vay giảm xuống mà tiền lãi Ngân hàng phải trả cho khoản tiền gửi có kỳ hạn chưa đến ngày tất toán thì vẫn giữ nguyên điều này đem đến rủi ro về lãi suất.

Thứ hai, Rủi ro về nguồn vốn

- Rủi ro khi thừa vốn

Nguồn vốn huy động là nguồn vốn hoạt động chủ yếu của Ngân hàng. Ngân hàng phải trả lãi cho khách hàng gửi tiền để huy động vốn. Khi khoản tiền gửi của khách hàng bị đóng băng không thể cho vay hay không có nguồn để cho vay trong khi Ngân hàng vẫn phải trả lãi cho số tiền gửi của khách hàng thì rủi ro thiệt hại sẽ xảy ra. Và khi điều này kéo dài sẽ dẫn đến việc Ngân hàng thua lỗ.

- Rủi ro khi thiếu vốn

Rủi ro xảy ra khi Ngân hàng không đáp ứng được nhu cầu cho vay và đầu tư, hay không đủ vốn để trả tiền cho khách hàng gửi tiền khi đến hạn. Rủi ro này phát sinh từ chức năng chuyển hoá các kỳ hạn sử dụng vốn và nguồn vốn của Ngân hàng hoặc do một thông tin nào đó làm mất lòng tin từ khách hàng gửi tiền khiến khách hàng đến rút tiền hàng loạt dẫn đến việc Ngân hàng mất khả năng thanh toán.

Thứ ba, Rủi ro về hối đoái

Rủi ro này xảy ra do sự dao động theo tỷ giá hối đoái. Khi tỷ giá hối đoái mua vào thấp hơn tỷ giá bán ra thì người kinh doanh có lời và ngược lại thì bị lỗ. Tỷ giá thay đổi dẫn đến giá trị ngoại hối thay đổi.

- Nếu Ngân hàng ở vị thế trường tức là ngoại tệ đang dư, khi đó ngoại tệ đang lên giá Ngân hàng sẽ có lời, ngược lại khi giá ngoại tệ giảm xuống Ngân hàng sẽ lỗ.
- Nếu Ngân hàng đang ở vị thế đoản về ngoại tệ, khi đó giá ngoại tệ tăng lên thì Ngân hàng lỗ, ngược lại ngoại tệ giảm thì Ngân hàng có lời.

Thứ tư, Rủi ro trong thanh toán

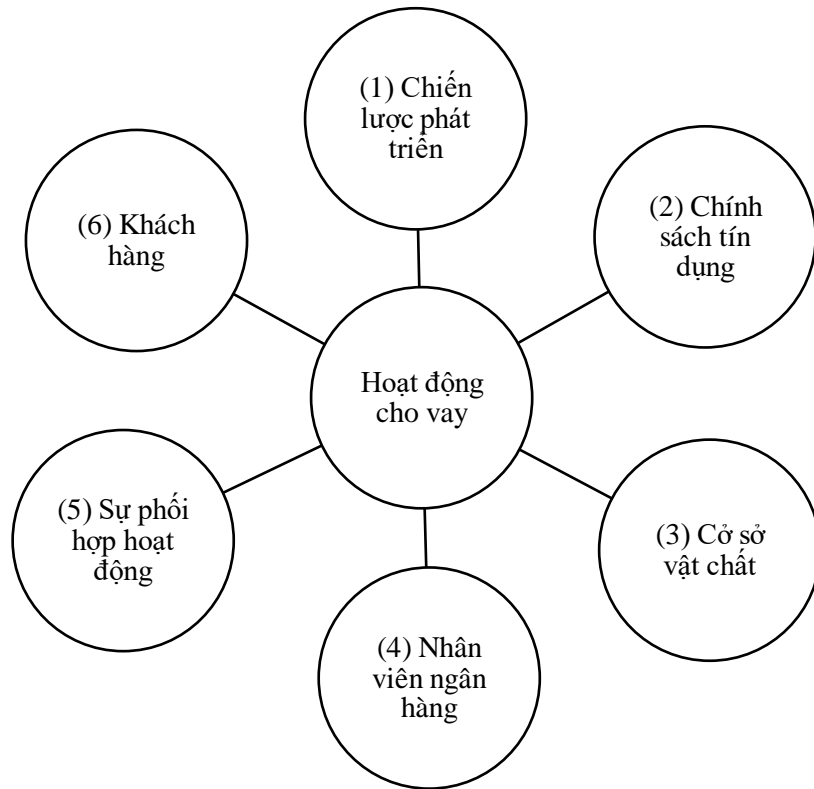
Rủi ro này xảy ra khi:

- Sự bất cân xứng giữa nguồn vốn và sử dụng vốn của Ngân hàng, khi vốn huy động dư thừa nhiều mà đầu ra hạn chế nên một số Ngân hàng đã sử dụng vốn huy động để tập trung nhiều vào dài hạn quá mức, dẫn đến mất khả năng thanh toán.
- Tới hạn các khoản vay khó truy thu lại được, danh tiếng và độ tin cậy của ngân hàng bị suy giảm, trước những thực trạng khó khăn của ngân hàng như vậy khách hàng thường có phản ứng đầu tiên là bằng mọi cách rút hết toàn bộ hạn mức tín dụng hay số dư tiền gửi vì sợ rủi ro không thể rút được sau đó.
- Trong quá trình thanh toán kiểu rủi ro này có thể nảy sinh, khi ngân hàng bị lợi dụng trong việc thanh toán điện tử, thanh toán séc với các chứng từ bị làm giả hay do vấn đề sai sót, nhầm lẫn thông tin trong hoạt quá trình thực hiện nghiệp vụ dẫn đến vấn đề thiệt hại của ngân hàng.

Thứ năm, Rủi ro thuần túy

Vấn đề rủi ro thuần túy là do yếu tố khách quan không thể lường trước do thiên tai gây ra : Hạn hán, lũ lụt, động đất, hỏa hoạn hoặc do bị mất trộm, bị lừa đảo, tham nhũng,... làm tổn thất hay hư hỏng các tài sản của Ngân hàng. Các rủi ro này cũng gây mất mát, thiệt hại không nhỏ cho Ngân hàng.

1.2. CÁC NHÂN TỐ CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI



Hình 1.1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nguồn: Tác giả Nguyễn Thị Nga

Dựa trên những nghiên cứu gốc và nghiên cứu thực nghiệm kết quả của một số nghiên cứu chỉ ra có 6 nhân tố chính có tác động đến hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại, như sau:

- 1) Chiến lược phát triển của Ngân hàng: Chiến lược phát triển của Ngân hàng có tác động cùng chiều với hoạt động cho vay của Ngân hàng.
- 2) Chính sách tín dụng: Chính sách tín dụng của Ngân hàng có tác động cùng chiều với hoạt động cho vay của Ngân hàng
- 3) Cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất có tác động cùng chiều với hoạt động cho vay của Ngân hàng.
- 4) Nhân viên ngân hàng: Nhân viên Ngân hàng có tác động cùng chiều với hoạt động cho vay của Ngân hàng.

- 5) Sự phối hợp: Khách hàng có tác động cùng chiều với hoạt động cho vay của Ngân hàng.
- 6) Khách hàng: Sự phối hợp giữa Ngân hàng và UBND các cấp có tác động cùng chiều với hoạt động cho vay của Ngân hàng.

Nhân tố chính sách tín dụng có tác động lớn nhất và nhân tố từ phía khách hàng có tác động yếu nhất đến hoạt động cho vay của Ngân hàng.

CHƯƠNG 2

PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – PGD SALA CHI NHÁNH THỦ THIÊM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. KHÁI QUÁT NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – VIETCOMBANK

2.1.1. Sự ra đời và phát triển

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank chính thức được sáng lập và vận hành vào ngày 01/04/1963 với tổ chức tiền đề là Sở Quản lý Ngoại hối Trung ương (thuộc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam).

Ngày 02/06/2008, Vietcombank chính thức hoạt động với tư cách Ngân hàng Thương mại Cổ phần.

Ngày 30/6/2009, cổ phiếu Vietcombank (mã chứng khoán VCB) chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Năm 2022, Tạp chí The Banker công bố Vietcombank là ngân hàng dẫn đầu các TCTD tại Việt Nam trong Top 500 Ngân hàng hàng đầu thế giới. Theo đánh giá của The Asian Banker là ngân hàng duy nhất của Việt Nam vào Top 30 Ngân hàng mạnh nhất khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Được tạp chí Forbes bình chọn là đại diện duy nhất của Việt Nam có mặt trong Top 1.000 Doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu (xếp thứ 950). Nằm trong danh sách “100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam” (do Công ty Anphabe cùng Intage). Vietcombank được bình chọn xếp thứ 1 toàn ngành Ngân hàng, xếp thứ 3 toàn thị trường Việt Nam, duy trì vị thế dẫn đầu 7 năm liên tiếp là ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam. Năm 2022, Vietcombank vinh dự tiếp tục được tạp chí The Asian Banker trao giải thưởng “Ngân hàng hỗ trợ tốt nhất trong thời gian Covid-19 tại Việt Nam”.

2.1.2. Sản phẩm và dịch vụ

Ngân hàng Vietcombank luôn đổi mới và phát triển danh mục các sản phẩm dịch vụ về lĩnh vực tài chính ngân hàng phù hợp với nhu cầu và xu thế thị trường. Ngân hàng thực hiện các giao dịch huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và các cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ tổ chức và cá nhân; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác; kinh doanh vàng theo quy định của pháp luật; bao thanh toán, dịch vụ bảo quản tài sản. Cung cấp tín dụng theo dạng chiết khấu công cụ chuyên nhượng giấy tờ có giá khác.

2.1.3. Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng Vietcombank luôn mở rộng địa bàn giao dịch để phục vụ tối đa nhu cầu của khách hàng. Vietcombank hiện có 116 Chi nhánh với 474 Phòng giao dịch hoạt động trên 56 tỉnh thành phố trong cả nước: Miền Bắc có 26 Chi nhánh, Hà Nội có 15 Chi nhánh, Bắc và Trung Bộ có 15 Chi nhánh, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có 13 Chi nhánh, Hồ Chí Minh có 18 Chi nhánh, Đông Nam Bộ có 14 Chi nhánh, Tây Nam Bộ có 15 Chi nhánh. Vietcombank tạo lập và gìn giữ quan hệ ngân hàng đại lý với 1,249 ngân hàng tại 102 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

2.1.4. Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – PGD Sala – Chi nhánh Thủ Thiêm thành Phố Hồ Chí Minh

Hiện Phòng giao dịch Vietcombank Sala – Chi nhánh Thủ Thiêm đăng ký kinh doanh tại một Phần Tầng 1, Khối Đé Thương Mại Khu Chung Cư Phúc Hợp M2, Số 72 Đường Nguyễn Cơ Thạch, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2.1.5. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Vietcombank là một ngân hàng đa chức năng, đi đầu trong các hoạt động cơ bản của một ngân hàng như huy động vốn, kinh doanh cho vay vốn, tín dụng, tài trợ dự án,...Đồng thời cung ứng đầy đủ toàn diện về các dịch vụ tài chính khía cạnh

thương mại quốc tế. Song song đó ngân hàng cũng thực hiện các mảng dịch vụ ngân hàng hiện đại như: buôn bán ngoại tệ và các công cụ phái sinh, dịch vụ thẻ, ngân hàng điện tử...

2.1.5.1. Danh mục sản phẩm & dịch vụ chính

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của ngân hàng là cung cấp các dịch vụ giao dịch huy động và nhận tiền gửi từ khách hàng, cung cấp tín dụng. Thực hiện các giao dịch sao kê tài khoản, kiểm tra kê khai tiền, tạo lệnh chuyển tiền và Sec, chuyển tiền lương theo đợt, thẻ dịch vụ, dịch vụ rút tiền mặt, đảm bảo, quản lý tài sản, các dịch vụ ngân hàng quốc tế.

2.1.6. Tổng quát kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – PGD Sala – Chi nhánh Thủ Thiêm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2023

❖ Tổng thu nhập

Dựa vào biểu đồ nhìn chung cho thấy, qua 3 năm thì tổng số thu nhập của Phòng giao dịch có khuynh hướng tăng trưởng ổn định hàng năm. Cụ thể thu nhập năm 2021 đạt 164,679 triệu đồng, sang năm 2022 tổng thu nhập đạt 200,531 triệu đồng tăng 21.77% [35,852 triệu đồng] so với năm 2021. Vào năm 2023 tổng số thu nhập đạt 241,918 triệu đồng tăng 20.64% [41,387 triệu đồng].

Tổng thu nhập tăng ổn định qua các năm một phần là do sự phục hồi của nền kinh tế sau dịch bệnh Covid – 19. Sau dịch bệnh, tình hình sản xuất kinh doanh bắt đầu trở lại thúc đẩy nhu cầu đi vay của khách hàng để phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh và tiêu dùng.

❖ Tổng chi phí

Do tổng thu nhập tăng ổn định qua các năm nên tổng chi phí cũng có sự gia tăng tương đương. Chi tiết năm 2021 tổng số chi phí là 141,234 triệu đồng đến năm 2022 tổng chi phí là 168,161 triệu đồng, tăng 19.07% so với năm 2021. Vào năm 2023 tổng số chi phí là 205,011 triệu đồng, tăng 21.91% so với năm 2022.

❖ Lợi nhuận sau thuế

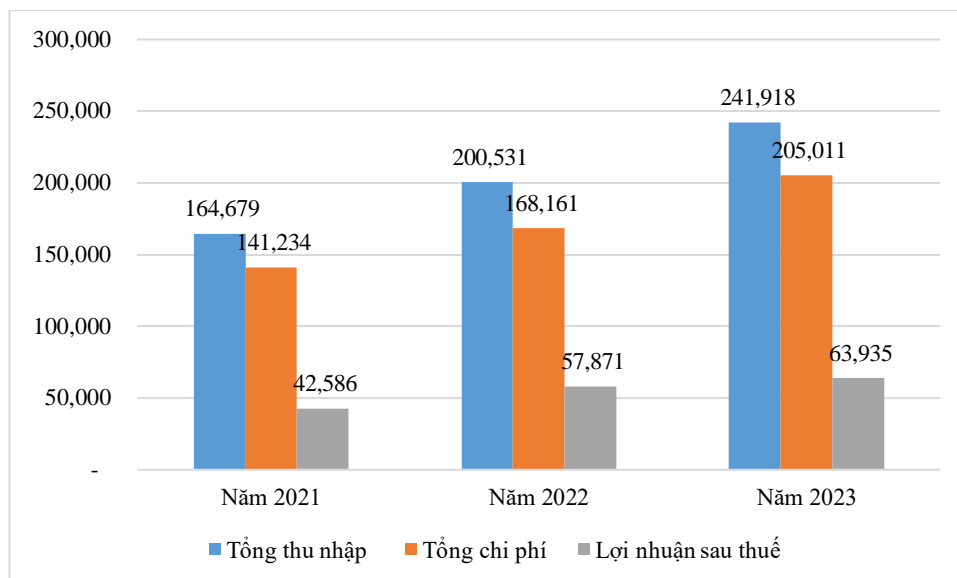
Dựa vào dữ liệu đã thu thập được cho thấy, năm 2021 lợi nhuận sau thuế đạt 42,586 triệu đồng. Năm 2022 lợi nhuận sau thuế tăng nhiều, cụ thể đạt 57,871 triệu đồng tăng 15,285 triệu đồng, tương đương tăng 35.89% so với năm 2021, vì trong giai đoạn này tỷ lệ tăng của tổng chi phí thấp hơn tỷ lệ tăng của tổng thu nhập. Đến năm 2023, lợi nhuận sau thuế đạt 63,935 triệu đồng, do giai đoạn này tỷ lệ tăng của tổng chi phí cao hơn tỷ lệ tăng của tổng thu nhập dẫn đến tỷ lệ tăng của lợi nhuận sau thuế thấp hơn giai đoạn 2021 – 2022, cụ thể tăng 6,064 triệu đồng, tương đương tăng 10.48% so với năm 2022.

Bảng 2.1. Tổng quan thành quả hoạt động kinh doanh của Vietcombank Sala giai đoạn 2021 – 2023

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2022 & 2021		So sánh 2023 & 2022	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Tổng thu nhập	164,679	200,531	241,918	35,852	21.77%	41,387	20.64%
Tổng chi phí	141,234	168,161	205,011	26,927	19.07%	36,850	21.91%
Lợi nhuận sau thuế	42,586	57,871	63,935	15,285	35.89%	6,064	10.48%

(Nguồn: Phòng giao dịch Vietcombank Sala - Chi nhánh Thủ Thiêm)



Biểu đồ 2.1. Biểu đồ thể hiện kết quả kinh doanh của Phòng giao dịch Vietcombank Sala

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

2.1.7. Lợi thế – khó khăn

❖ Lợi thế

- Nền tảng chính trị ổn định, cộng thêm sự định hướng đồng hành sát sao của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, đang giúp ngành Ngân hàng đang trở nên tiềm năng hơn với sự cải thiện tích cực của cả hai tiêu chí an toàn và hiệu quả hướng tới sự phát triển bền vững.

- Các chính sách, quy định do Ngân hàng ban hành có hiệu quả hơn, tạo điều kiện thu hút vốn huy động, đầu tư tín dụng.

- Nguồn lực cán bộ trẻ tuổi, năng động, được đào tạo nghiệp vụ cao.

- Cơ sở vật chất và kỹ thuật được trang bị đầy đủ, tiến tiến.

- Công tác kiểm tra, kiểm soát được tăng cường chặt chẽ. Xử lý kịp thời sai sót, vấn đề tiêu cực phát sinh.

❖ Khó khăn

- Sức ép cạnh tranh cao từ các ngân hàng trong cùng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh.

- Rủi ro của sự gia tăng giá cả trên thị trường (yếu tố lạm phát) bị tác động bởi nhiều yếu tố khách và chủ quan, trong và ngoài nước, ảnh hưởng đến chính sách thương mại và xuất khẩu, chính sách kinh doanh quốc tế, chính sách tiền tệ chặt chẽ, sự sê dịch của nguồn vốn đầu tư.

2.1.8. Phương hướng – mục tiêu hoạt động

❖ Phương hướng

Định hướng chủ đạo của Vietcombank cho giai đoạn 2023-2028 là hiện thực hóa các định hướng chiến lược đến năm 2025 : dẫn đầu về lợi nhuận và thu nhập ngoài tín dụng, dẫn đầu về chất lượng trải nghiệm khách hàng, Số 1 về dịch vụ bán lẻ và đầu tư, đứng hàng đầu về chất lượng nguồn nhân lực, top đầu về ngân hàng số, quản trị rủi ro tốt nhất.

❖ Tầm nhìn

Giữ vững vị thế số 1 tại Việt Nam, đứng trong 200 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, 700 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu, có đóng góp lớn vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

2.2. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – PGD SALA – CHI NHÁNH THỦ THIÊM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2021 – 2023

2.2.1. Phân tích phần nguồn vốn – hoạt động huy động vốn

2.2.1.1. Vốn huy động

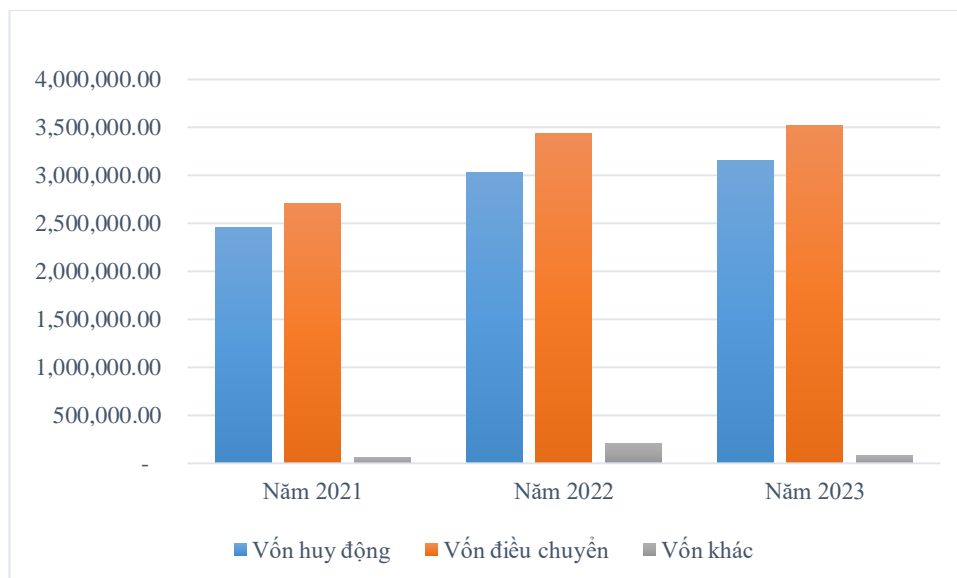
Vốn huy động của Ngân hàng giai đoạn 2021 – 2023 vẫn tăng ở mức ổn định. Cụ thể vào năm 2021 vốn huy động là 2,460,227.38 triệu đồng đến năm 2022 tăng 573,877.13 triệu đồng, đạt 3,034,104.51 triệu đồng tăng 23.33% so với năm 2021. Năm 2023 nguồn vốn huy động vẫn ổn định ở mức 3,154,971 triệu đồng, tăng khoảng 120,866.58 triệu đồng tương đương 3.98% so với năm 2022. Vốn huy động chiếm tỷ trọng khá cao dao động trong khoảng từ 45% - 47% trong 3 cơ cấu nguồn vốn.

Bảng 2.2. Phần nguồn vốn – hoạt động huy động vốn

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	2021		2022		2023	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
Vốn huy động	2,460,227.38	47.04%	3,034,104.51	45.41%	3,154,971.09	46.68%
Vốn điều chuyển	2,704,044.74	51.70%	3,435,881.16	51.42%	3,520,346.15	52.08%
Vốn khác	65,482.73	1.25%	211,864.13	3.17%	83,873.04	1.24%
Tổng	5,229,754.84	100%	6,681,849.80	100%	6,759,190.28	100%

(Nguồn: Phòng giao dịch Vietcombank Sala - Chi nhánh Thủ Thiêm)



Biểu đồ 2.2. Tình trạng nguồn vốn của Ngân hàng Vietcombank

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

2.2.1.2. Vốn điều chuyển

Trong giai đoạn từ năm 2021 – 2023, vốn điều chuyển chiếm tỷ trọng trên 50% trong 3 cơ cấu của nguồn vốn. Cụ thể, vào năm 2021 vốn điều chuyển đạt 2,704,044.74 triệu đồng, đến năm 2022 vốn điều chuyển là 3,435,881.16 triệu đồng, tăng 731,836.43 triệu đồng tương đương 27.06% so với năm 2021. Vào năm 2023 vốn điều chuyển đạt 3,520,346.15 triệu đồng, tăng nhẹ 84,464.99 triệu đồng tương đương 2.46%.

2.2.1.3. Vốn khác

Vốn khác chiếm tỷ trọng rất thấp trong tổng nguồn vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – PGD Sala – Chi nhánh Thủ Thiêm, chiếm chưa đến 5% trong tổng nguồn vốn. Cụ thể năm 2021 vốn khác là 65,483 triệu đồng, đến năm 2022 nguồn vốn khác tăng mạnh đạt 211,864 triệu đồng tăng 146,381.40 triệu đồng tương đương 223.54%. Tuy nhiên vào năm 2023 giảm 127,991.09 triệu đồng còn lại 83,873 triệu đồng, tương đương giảm 60.41%.

Tổng nguồn vốn của Ngân hàng đang trong xu hướng tăng, đặc biệt tăng mạnh trong giai đoạn 2021 – 2022 là do sau dịch bệnh đây là giai đoạn phục hồi nên có sự thay đổi sâu sắc của những con số. Sau giai đoạn dịch bệnh cách ly hoạt động kinh

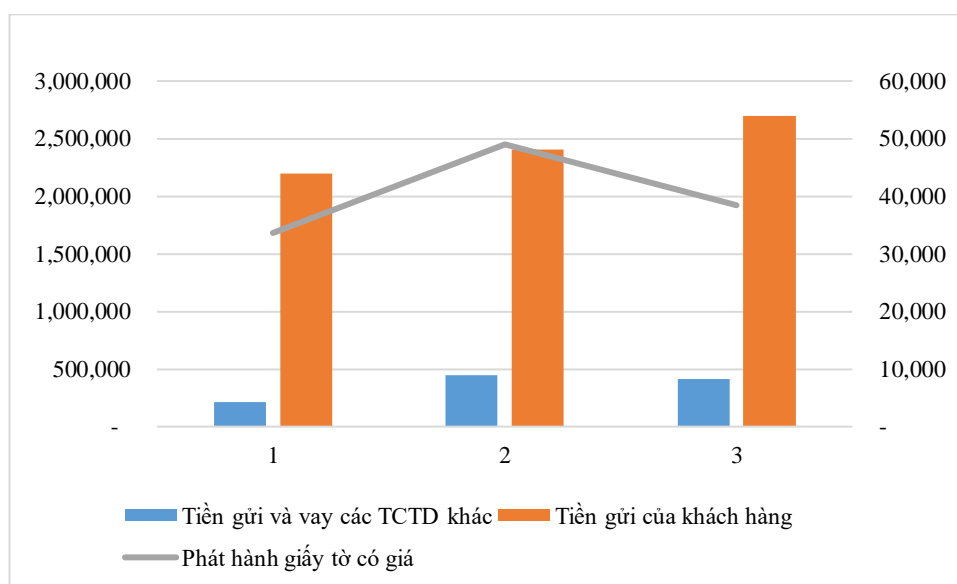
doanh được hoạt động trở lại nên nhu cầu vay vốn trong giai đoạn này tăng đột ngột và do đó đến giai đoạn 2022 – 2023 tình hình kinh tế đã đi vào quỹ đạo ban đầu thì các con số chỉ tăng nhẹ.

Bảng 2.3. Tình trạng vốn huy động của Vietcombank Sala trong giai đoạn 2021 – 2023

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tiền gửi và vay các TCTD khác	212,297	449,731	413,615
Tiền gửi của khách hàng	2,195,984	2,405,161	2,699,609
Phát hành giấy tờ có giá	33,632	49,009	38,516

(Nguồn: Phòng giao dịch Vietcombank Sala - Chi nhánh Thủ Thiêm)



Biểu đồ 2.3. Thể hiện nguồn vốn huy động của ngân hàng qua 3 năm 2021, 2022, 2023

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

2.2.1.4. Khoản tiền gửi của các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác

Trong giai đoạn 2021 – 2023 quá trình sản xuất kinh doanh dần đi vào hoạt động trở lại sau dịch bệnh, tình hình kinh tế được phục hồi ổn định hơn từ đó người dân có nguồn thu nhập trở lại khiến nhu cầu vốn tăng theo. Nhằm tăng khả năng huy

động vốn và sử dụng vốn của Ngân hàng, Vietcombank Sala đã nỗ lực mở rộng phạm vi, mạng lưới huy động vốn của mình.

Dựa vào kết quả phân tích cho thấy, năm 2021 tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác tại Vietcombank là 212,297 triệu đồng, chiếm 8.7% so với tổng nguồn vốn huy động năm 2021. Năm 2022 đạt 449,731 triệu đồng chiếm 15.5% so với tổng nguồn vốn huy động năm 2022. Năm 2023 đạt 413,615 triệu đồng chiếm 13.1% so với tổng nguồn vốn huy động năm 2023.

2.2.1.5. Tiền gửi của khách hàng

Với sự nỗ lực mở rộng phạm vi, mạng lưới huy động vốn của mình, trong 3 năm 2021, 2022, 2023 Vietcombank Sala đã tăng liên tục khoản tiền gửi của khách hàng.

Năm 2021, tổng nguồn vốn huy động từ tiền gửi của khách hàng đạt 2,195,984 triệu đồng. Năm 2022, đạt 2,405,161 triệu đồng tăng 209,177 triệu đồng so với năm 2021 tương đương tăng 9.53%. Năm 2023, đạt 2,699,609 triệu đồng tăng 294,447 triệu đồng so với năm 2022 tương đương tăng 12.24%.

Điều này cho thấy tiền gửi của khách hàng có vai trò đặc biệt quan trọng trong tổng nguồn vốn huy động của Ngân hàng trong 3 năm qua. Nguồn huy động vốn từ tiền gửi của khách hàng chiếm lên đến 90% trong tổng nguồn vốn huy động của Ngân hàng. Cụ thể, năm 2021 chiếm 90% trong tổng nguồn vốn huy động, năm 2022 chiếm 83% trong tổng nguồn vốn huy động, năm 2023 chiếm 86% trong tổng nguồn vốn huy động.

Ở giai đoạn 2021 – 2023, đây là thời điểm vừa xảy ra dịch bệnh Covid - 19 tình hình hoạt động kinh doanh và lao động của người dân được trở lại từ đó có được nguồn thu nhập trở lại, do đó nhu cầu tích lũy tiền nhằm phục vụ cho mục đích tiêu dùng trong tương lai gia tăng. Bên cạnh đó, cái tên Ngân hàng Vietcombank trong suốt quá trình hình thành và phát triển đã gây dựng được lòng tin và sự uy tín đối với khách hàng cùng với sự điều chỉnh chất lượng phục vụ, lãi suất phù hợp đã giúp tăng cao lượng tiền gửi của khách hàng.

Ngoài ra trong thời buổi kinh tế phát triển hiện nay sự thuận tiện và nhanh chóng của hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đã được phát triển và biết đến với quy mô rộng rãi trên toàn xã hội, đó là lý do khiến cho tiền gửi thanh toán tăng lên liên tục.

2.2.1.6. Phát hành giấy tờ có giá

Bên cạnh những nguồn vốn khác thì sự đóng góp bằng việc phát hành giấy tờ có giá cũng làm cho nguồn vốn huy động của Ngân hàng tăng lên trong các năm qua. Đặc biệt trong năm 2022 nguồn vốn huy động từ phát hành giấy tờ có giá tăng 45.72% [tăng 15,377 triệu đồng] so với năm 2021. Tuy nhiên, vào năm 2023 nguồn vốn huy động từ phát hành giấy tờ có giá giảm một lượng đáng kể 21.41% [giảm 10,494 triệu đồng].

Nhìn chung, tổng nguồn vốn huy động tăng liên tục qua các năm, cho thấy phòng giao dịch đã có nhiều biện pháp nâng cao, cải thiện chất lượng dịch vụ cũng như điều chỉnh mức lãi suất một cách hợp lý thu hút được một lượng lớn tiền gửi khách hàng trên phạm vi rộng trên toàn địa bàn.

2.2.2. Phân tích tình hình hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – PGD Sala – Chi nhánh Thủ Thiêm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2023

Bảng 2.4. Tình hình hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – PGD Sala – Chi nhánh Thủ Thiêm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2023

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2022 với 2021		So sánh 2023 với 2022	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Doanh số cho vay	2,245,303	2,773,548	3,052,503	528,245	23.53%	278,955	10.06%
Doanh số thu nợ	2,020,772	2,634,871	3,021,978	614,098	30.39%	387,107	14.69%

Chi tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2022 với 2021		So sánh 2023 với 2022	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Dư nợ	1,571,712	1,564,129	1,526,251	(7,583)	-0.48%	(37,877)	-2.42%
Nợ quá hạn	3,772	3,101	2,614	(671)	-17.79%	(487)	-15.70%

(Nguồn: Phòng giao dịch Vietcombank Sala - Chi nhánh Thủ Thiêm)

Dựa vào dữ liệu đã thu thập được ta thấy, hoạt động cho vay tại Ngân hàng Vietcombank đang dần ổn định trở lại. Doanh số cho vay năm 2021 đạt 2,245,303 triệu đồng, năm 2022 đạt 2,773,548 triệu đồng tăng 528,245 triệu đồng tương ứng 23.53% so với năm 2021, năm 2023 doanh số cho vay đạt 3,052,503 triệu đồng tiếp tục tăng với mức tăng 278,955 triệu đồng tương ứng 10.06% so với năm 2022. Doanh số cho vay trong giai đoạn 2021 – 2023 cho thấy được sự nỗ lực không ngừng của Vietcombank Sala trong giai đoạn kinh tế gặp nhiều khó khăn sau dịch bệnh.

Tương tự với doanh số thu nợ cũng tăng liên tục trong giai đoạn này với mức tăng đáng kể. Doanh số thu nợ năm 2021 đạt 2,020,772 triệu đồng, đạt 2,634,871 triệu đồng tăng 614,098 triệu đồng tương đương tăng 30.39% so với năm 2021, đạt 3,021,978 triệu đồng tăng 387,107 triệu đồng tương đương tăng 14.69% so với năm 2022. Điều này cho thấy chính sách thu hồi nợ của Ngân hàng rất tối ưu.

Doanh số thu nợ tăng tăng nên các chỉ tiêu nợ quá hạn, dư nợ đồng loạt giảm. Cụ thể dư nợ năm 2021 đạt 1,571,712 triệu đồng, năm 2022 đạt 1,564,129 triệu đồng giảm 7,583 triệu đồng tương đương 0.48% so với năm 2021, năm 2023 đạt 1,526,251 triệu đồng giảm 37,877 triệu đồng tương đương 2.42% so với năm 2022.

Nợ quá hạn năm 2021 là 3,772 triệu đồng, năm 2022 là 3,101 triệu đồng giảm 671 triệu đồng tương đương giảm 17.79% so với năm 2021, năm 2022 là 2,614 triệu đồng giảm 487 triệu đồng tương đương giảm 15.70% so với năm 2023.

Các chỉ tiêu này giảm đồng nghĩa với việc kiểm soát rủi ro trong quá trình hoạt động của Ngân hàng ngày càng được hoàn thiện và phát triển. Việc giảm rủi ro trong hoạt động cho vay là vấn đề được Vietcombank Sala đặc biệt chú trọng vì nó tác động rất lớn vào kết quả hoạt động cho vay của Ngân hàng.

2.2.2.1. Phân tích doanh số cho vay

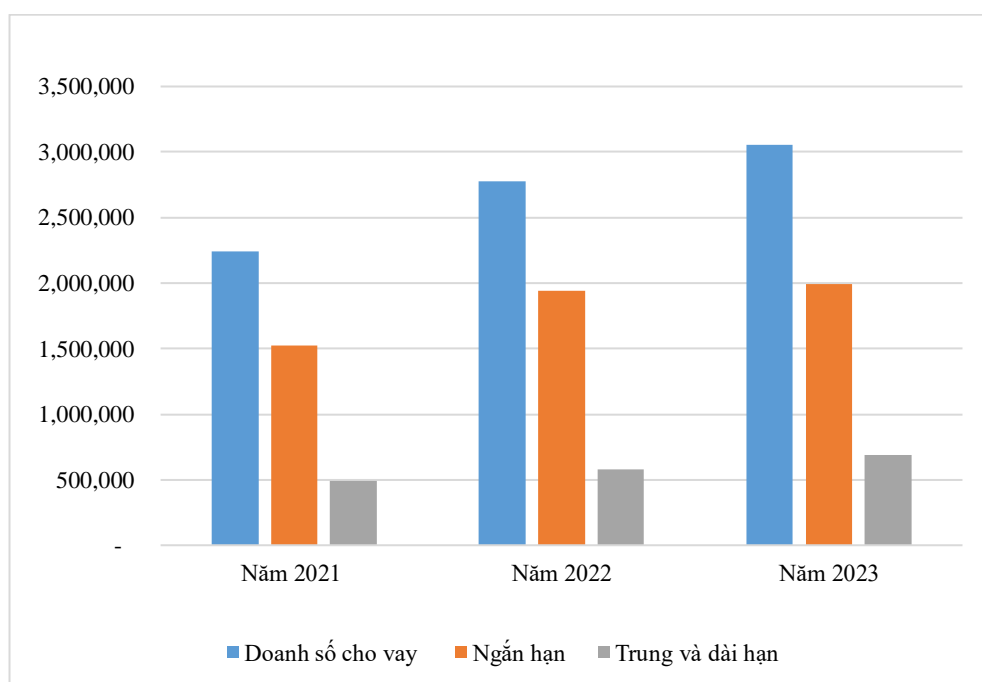
2.2.2.1.1. Phân tích doanh số cho vay theo thời hạn

Bảng 2.5. Số liệu cho vay theo thời gian của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – PGD Sala – Chi nhánh Thủ Thiêm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2023

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2022 với 2021		So sánh 2023 với 2022	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Doanh số cho vay	2,245,303	2,773,548	3,052,503	528,245	23.53%	278,955	10.06%
Ngắn hạn	1,524,560	1,944,257	1,993,284	419,697	27.53%	49,027	2.52%
Trung và dài hạn	489,384	581,333	691,670	91,949	18.79%	110,337	18.98%

(Nguồn: Phòng giao dịch Vietcombank Sala - Chi nhánh Thủ Thiêm)



Biểu đồ 2.4. Doanh số cho vay theo thời gian của Vietcombank Sala giai đoạn 2021 – 2023

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Dựa vào dữ liệu trên cho thấy, doanh số cho vay ngắn hạn chiếm trong tổng tỷ trọng doanh số cho vay trên 65%, doanh số cho vay trung và dài hạn chiếm dưới 30% trong tổng tỷ trọng doanh số cho vay. Ngân hàng luôn ưu tiên các khoản vay ngắn hạn vì các khoản vay này thường gặp ít rủi ro và thời gian quay vòng vốn lại nhanh, khả năng thu được nợ cao.

Tổng doanh thu cho vay ngắn hạn trong năm 2021 là 1,524,560 triệu đồng, năm 2022 là 1,944,257 triệu đồng tăng 419,697 triệu đồng [tăng 27.53%] so với năm 2021. Năm 2023 là 1,993,284 triệu đồng tăng 49,027 triệu đồng [tăng 2.52%] so với năm 2022.

Trong giai đoạn năm 2021 – 2023 hoạt động cho vay trung và dài hạn tăng đều. Cụ thể năm 2021 doanh số cho vay trung và dài hạn là 489,384 triệu đồng, năm 2022 doanh số cho vay trung và dài hạn là 581,333 triệu đồng tăng 91,949 triệu đồng [tăng 18.79%] so với năm 2021. Năm 2023 doanh số cho vay trung và dài hạn là 691,670 triệu đồng tăng 110,337 triệu đồng [tăng 18.98%] so với năm 2022.

2.2.2.1.2. Phân tích doanh số cho vay dựa theo thành phần

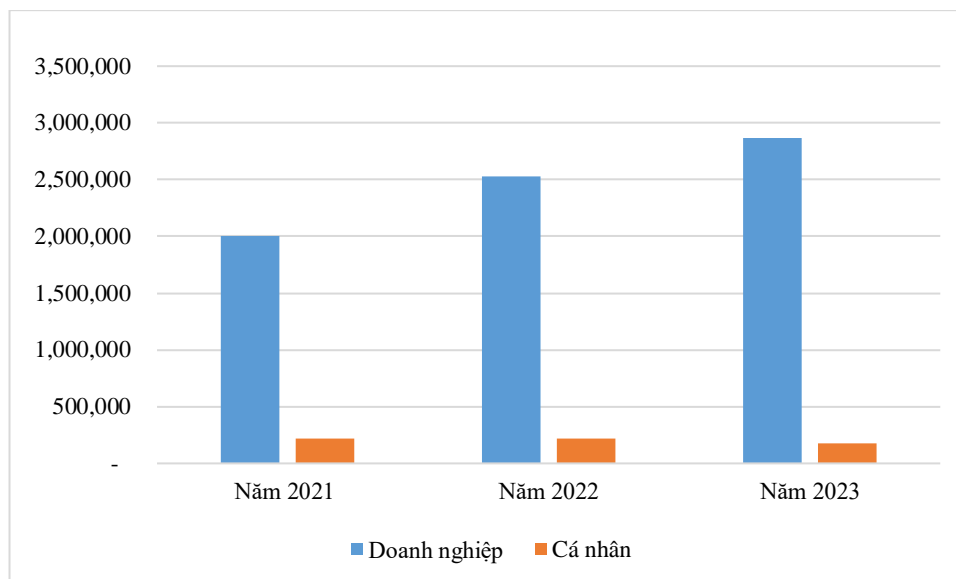
Bảng 2.6. Số liệu cho vay theo thành phần của Vietcombank Sala giai đoạn 2021 – 2023

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2022 với 2021		So sánh 2023 với 2022	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Doanh số cho vay	2,245,303	2,773,548	3,052,503	528,245	23.53%	278,955	10.06%
Doanh nghiệp	2,004,831	2,529,476	2,866,300	524,645	26.17%	336,824	13.32%

Cá nhân	214,717	222,594	174,844	7,876	3.67%	(47,750)	-21.45%
---------	---------	---------	---------	-------	-------	----------	---------

(Nguồn: Phòng giao dịch Vietcombank Sala - Chi nhánh Thủ Thiêm)



Biểu đồ 2.5. Doanh số cho vay theo thành phần của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – PGD Sala – Chi nhánh Thủ Thiêm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2023

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Đối với khách hàng cá nhân: Qua bảng số liệu ta thấy doanh số cho vay khách hàng cá nhân trong giai đoạn năm 2021 – 2023 chiếm tỷ trọng dưới 10% và đang trong xu hướng giảm, cụ thể vào năm 2021 doanh số đạt 214,717 triệu đồng đến năm 2022 doanh số 222,594 triệu đồng, tăng 7,876 triệu đồng [tăng 3.67%]. Năm 2023 doanh số cho vay khách hàng cá nhân giảm, doanh số trong năm này đạt 174,844 triệu đồng, giảm 47,750 triệu đồng, tương ứng giảm 21.45% so với năm 2022.

Đối với khách hàng doanh nghiệp: Doanh số cho vay khách hàng doanh nghiệp chiếm tỷ trọng rất cao trên 80%, tỷ trọng này tăng dần qua các năm trong giai đoạn năm 2021 – 2023. Năm 2021 doanh số cho vay là 2,004,831 triệu đồng, đến năm 2022 doanh số cho vay tăng 524,645 triệu đồng lên 2,529,476 triệu đồng, tăng 26.17%. Doanh số này tiếp tục tăng vào năm 2023, doanh số cho vay khách hàng doanh nghiệp trong năm này đạt 2,866,300 triệu đồng, tăng 336,824 triệu đồng [tăng 13.32%] so với năm 2022. Vietcombank Sala đang ngày càng mở rộng việc cho vay đối với khách

hàng là doanh nghiệp nhằm góp phần nâng cao chất lượng cho vay của phòng giao dịch nói riêng và của Ngân hàng Vietcombank nói chung.

2.2.2.1.3. Phân tích doanh số cho vay dựa theo mục đích sử dụng

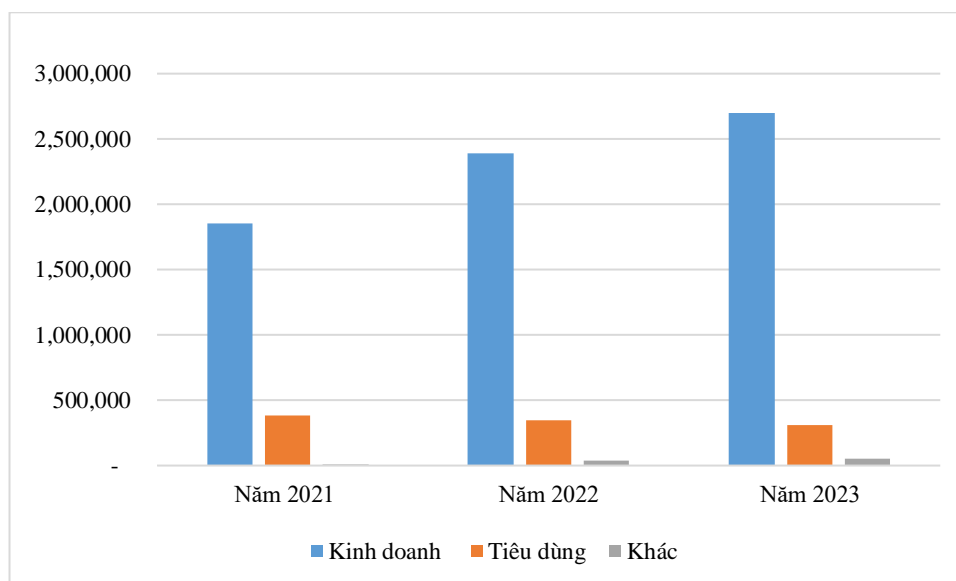
Ngân hàng Vietcombank vẫn luôn không ngừng nâng cao và cải thiện các giải pháp để hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay đến mức thấp nhất. Việc đa dạng hóa đầu tư, mở rộng cho vay ở nhiều ngành nghề, nhiều mục đích sử dụng, nhiều lĩnh vực là một trong những giải pháp giúp hạn chế rủi ro phát sinh. Vietcombank Sala đã thực hiện tốt tiêu chí trên khi mở rộng cho vay kinh doanh, tiêu dùng và nhiều mục đích khác. Với mức vốn cho vay chủ yếu tập trung nhiều ở lĩnh vực cho vay kinh doanh và tiêu dùng.

Bảng 2.7. Số liệu doanh thu cho vay theo mục đích sử dụng của Vietcombank Sala giai đoạn 2021 – 2023

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2022 với 2021		So sánh 2023 với 2022	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Kinh doanh	1,850,129	2,390,798	2,695,360	540,669	29.22%	304,562	12.74%
Tiêu dùng	383,947	346,693	306,166	(37,253)	-9.70%	(40,527)	-11.69%
Khác	11,227	36,056	50,977	24,830	221.17%	14,921	41.38%

(Nguồn: Phòng giao dịch Vietcombank Sala - Chi nhánh Thủ Thiêm)



Biểu đồ 2.6. Số liệu doanh số cho vay theo thời gian của Vietcombank Sala giai đoạn 2021 – 2023

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Cho vay kinh doanh

Do thành phố Hồ Chí Minh luôn là trung tâm kinh tế, giải trí hàng đầu Việt Nam nên luôn là địa điểm thu hút nhiều nhà đầu tư, nhà khởi nghiệp. Nhu cầu vốn kinh doanh cũng từ đó mà tăng cao. Đây là nguồn khách hàng tiềm năng mà Ngân hàng cần khai thác. Do đó mà tỷ trọng doanh số cho vay kinh doanh ở các năm đều khá cao qua các năm, khoản cho vay này chiếm lên đến 88.3% trong tổng doanh số cho vay.

Nhận diện được tầm quan trọng của lĩnh vực kinh doanh đối với Ngân hàng, suốt thời gian qua Vietcombank Sala đã dành phần lớn nguồn vốn vay vào mục đích cho vay kinh doanh, khiến cho doanh số cho vay kinh doanh tăng trưởng liên tục qua các năm 2021 – 2023, năm 2021 cho vay kinh doanh đạt 1,850,129 triệu đồng, sang đến năm 2022 cho vay kinh doanh đạt 2,390,798 triệu đồng tăng 540,669 triệu đồng so với năm 2021 với tỷ lệ tăng là 29.22%, năm 2023 cho vay kinh doanh đạt 2,695,360 triệu đồng tăng 304,562 triệu đồng so với năm 2022, với tỷ lệ tăng là 12.74%.

Cho vay tiêu dùng

Doanh số cho vay tiêu dùng cũng chiếm khá cao trong tổng doanh thu, chiếm khoảng 10 – 17% trong tổng doanh số cho vay. Trái ngược với xu hướng cho vay kinh doanh thì doanh số cho vay với mục đích tiêu dùng lại liên tục giảm qua các năm. Nhu cầu mua sắm của người dân ngày càng giảm trong bối cảnh tình hình tăng trưởng kinh tế khó khăn tác động tới thu nhập của cá nhân và hộ gia đình, làm tăng nhu cầu tiết kiệm để dự phòng cho tương lai và giảm nhu cầu vay tín dụng ngân hàng để mở rộng chi tiêu. Bên cạnh đó, thời gian qua các loại hình cho vay qua app (ứng dụng) bùng phát với điều kiện cho vay nói lỏng, thủ tục đơn giản nhanh gọn, không cần tài sản thế chấp,... đã thu hút người dân vay qua app mà không cần đến ngân hàng.

Doanh số cho vay ở mục đích tiêu dùng năm 2021 đạt 383,947 triệu đồng, năm 2022 đạt 346,693 triệu đồng giảm 37,253 triệu đồng so với năm 2021, với tỷ lệ 9.70%, năm 2023 doanh số cho vay tiêu dùng đạt 306,166 triệu đồng giảm 40,527 triệu đồng so với năm 2022, với tỷ lệ giảm là 11.69%, tuy nhiên cho vay ở mục đích tiêu dùng vẫn đóng góp đáng kể trong tổng doanh số cho vay của Ngân hàng.

Vay mục đích khác

Khoản cho vay với mục đích khác (cho vay du học, chợ, tiêu thương,...) là thành phần cho vay góp phần làm đa dạng thêm thành phần đầu tư tín dụng của Ngân hàng. Đóng góp vào việc thực thi tốt công tác thúc đẩy biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Tỷ trọng cho vay ở nhóm này khá thấp dưới 2%, tuy nhiên có tín hiệu tốt khi có sự tăng dần lên (năm 2021 [0.5%], năm 2022 [1.3%], năm 2023 [1.7%]). Năm 2022, doanh số cho vay mục khác tăng 24,830 triệu đồng so với năm 2021, năm 2023 doanh số cho vay mục khác tăng 14,921 triệu đồng so với năm 2022. Nhìn chung, trong giai đoạn từ 2021 – 2023 tổng doanh số cho vay của Vietcombank Sala tăng lên liên tục.

2.2.2.2. Phân tích doanh số thu nợ

2.2.2.2.1. Doanh số thu nợ theo thời gian

Dựa vào dữ liệu doanh số thu nợ theo thời gian ta thấy rằng, đội ngũ cán bộ tín dụng Vietcombank Sala đã nỗ lực trong công tác thu hồi nợ để có được doanh số thu nợ tăng lên liên tục qua các năm.

Cụ thể:

Năm 2021 doanh số thu nợ theo thời gian đạt 2,020,772 triệu đồng. Năm 2022 doanh số thu nợ theo thời gian đạt 2,634,871 triệu đồng, tăng 614,098 triệu đồng [30.39%] so với năm 2021. Năm 2023 doanh số thu nợ theo thời gian đạt 3,021,978 triệu đồng, tăng 387,107 triệu đồng [14.69%] so với năm 2022.

Năm 2022 doanh số thu nợ ngắn hạn tăng 533,857 triệu đồng [37.63%] so với năm 2021. Năm 2023 doanh số thu nợ ngắn hạn tăng 383,550 triệu đồng [19.64%] so với năm 2022.

Tương tự, doanh số thu nợ trung và dài hạn tăng 80,241 triệu đồng [13.32%] so với năm 2021. Năm 2023 doanh số thu nợ trung và dài hạn tăng 3,557 triệu đồng [0.52%] so với năm 2022.

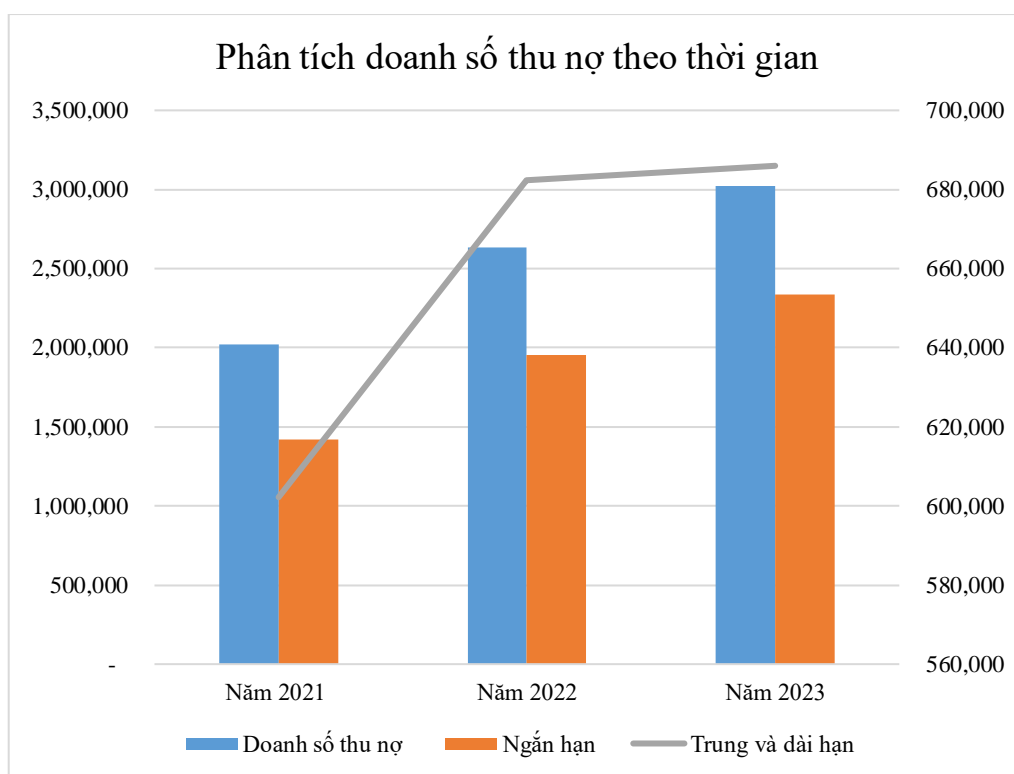
Như vậy, doanh số thu nợ theo thời gian của cả ngắn, trung và dài hạn tăng lên thấy rằng khách hàng vay vốn đã sử dụng vốn vay một cách hợp lý và hiệu quả trong việc đầu tư, kinh doanh. Đồng thời thấy được cán bộ tín dụng đã thật sự nỗ lực trong công tác thu hồi nợ.

Bảng 2.8. Doanh số thu nợ theo thời gian của Vietcombank Sala giai đoạn 2021 – 2023

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2022 với 2021		So sánh 2023 với 2022	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Doanh số thu nợ	2,020,772	2,634,871	3,021,978	614,098	30.39%	387,107	14.69%
Ngắn hạn	1,418,582	1,952,439	2,335,989	533,857	37.63%	383,550	19.64%
Trung và dài hạn	602,190	682,431	685,989	80,241	13.32%	3,557	0.52%

(Nguồn: Phòng giao dịch Vietcombank Sala - Chi nhánh Thủ Thiêm)



Biểu đồ 2.7. Doanh số thu nợ theo thời gian của Vietcombank Sala giai đoạn 2021 – 2023

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

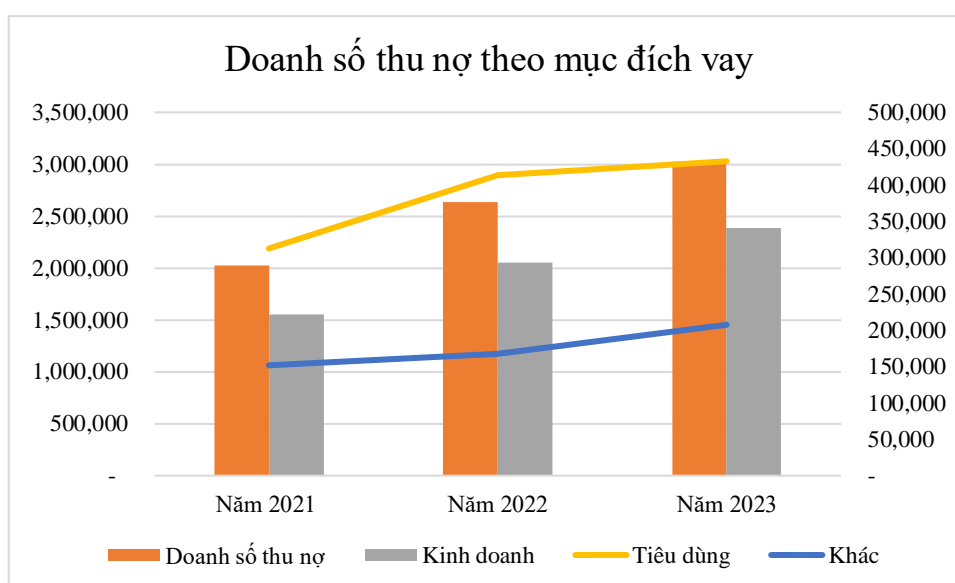
2.2.2.2.2. Doanh số thu nợ theo mục đích vay

Bảng 2.9. Doanh số thu nợ theo mục đích vay của Vietcombank Sala giai đoạn 2021 – 2023

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2022 với		So sánh 2023 với	
				2021		2022	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Doanh số thu nợ	2,020,772	2,634,871	3,021,978	614,098	30.39%	387,107	14.69%
Kinh doanh	1,556,356	2,053,143	2,381,684	496,787	31.92%	328,541	16.00%
Tiêu dùng	312,574	413,697	432,652	101,123	32.35%	18,955	4.58%
Khác	151,842	168,031	207,642	16,188	10.66%	39,611	23.57%

(Nguồn: Phòng giao dịch Vietcombank Sala - Chi nhánh Thủ Thiêm)



Biểu đồ 2.8 . Doanh số thu nợ theo mục đích vay của Vietcombank Sala giai đoạn 2021 – 2023

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Dựa theo dữ liệu doanh số thu nợ theo mục đích kinh doanh cho thấy, năm 2022 doanh số thu nợ theo mục đích kinh doanh tăng 496,787 triệu đồng [31.92%] so với năm 2021. Năm 2023 doanh số thu nợ theo mục đích kinh doanh tăng 328,541 triệu đồng [16%] so với năm 2022.

Đối với doanh số thu nợ theo mục đích tiêu dùng, năm 2022 doanh số thu nợ theo mục đích tiêu dùng tăng 101,123 triệu đồng [32.35%] so với năm 2021. Năm 2023 doanh số thu nợ theo mục đích tiêu dùng tăng 18,955 triệu đồng [4.58%] so với năm 2022. Doanh số thu nợ tiêu dùng tăng dần cho thấy công tác thu nợ, phân loại nợ, thẩm định hồ sơ cho vay đối với mục đích cho vay tiêu dùng vẫn luôn được cán

bộ tín dụng chú ý và theo dõi sát sao. Hơn nữa, đối với mục đích cho vay tiêu dùng khách hàng thường thanh toán nợ không đúng hạn vì vậy đây là điều đáng mừng khi thấy được thiện chí trả nợ của khách hàng. Đồng thời cũng thấy được chất lượng đời sống của người dân đã được cải thiện và nâng cao hơn.

Tương tự đối với doanh số thu nợ theo mục đích khác, năm 2022 doanh số thu nợ theo mục đích khác tăng 16,188 triệu đồng [10.66%] so với năm 2021. Năm 2023 doanh số thu nợ theo mục đích khác tăng 39,611 triệu đồng [23.57%] so với năm 2022.

2.2.2.3. Phân tích dư nợ

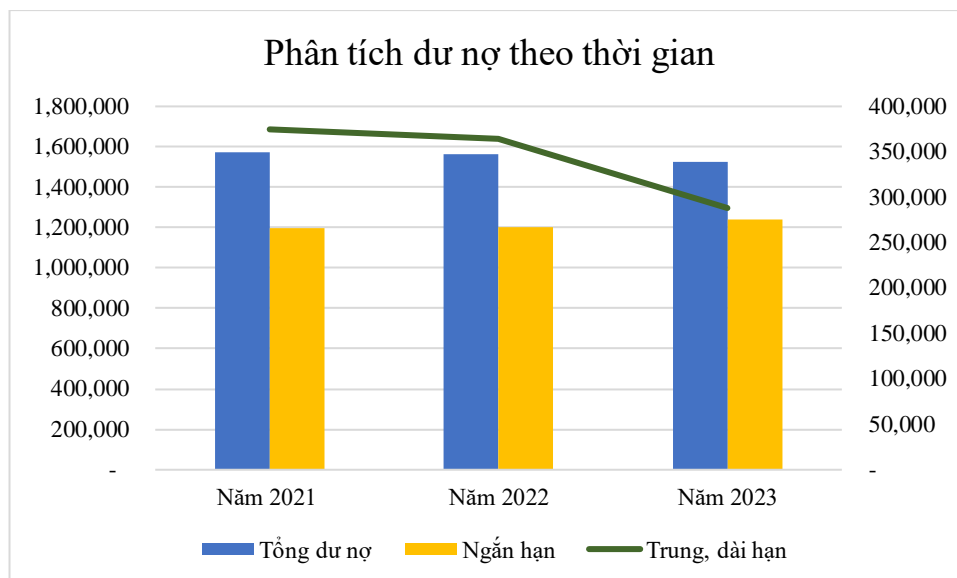
Quy mô hoạt động của Ngân hàng được biểu thị rõ nhất qua tổng dư nợ hàng năm và dư nợ là tiêu chí có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tạo ra lợi nhuận cho Ngân hàng. Dựa vào dữ liệu bảng 2.10 ta thấy tổng dư nợ của Vietcombank Sala giảm xuống liên tục qua 3 năm 2021, 2022, 2023.

Bảng 2.10. Dư nợ theo thời gian của Vietcombank Sala giai đoạn 2021 – 2023

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2022 với 2021		So sánh 2023 với 2022	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
				Tổng dư nợ	1,571,712	1,564,129	1,526,251
Ngắn hạn	1,196,994	1,199,374	1,238,119	2,380	0.20%	38,745	3.23%
Trung, dài hạn	374,718	364,755	288,132	(9,963)	-2.66%	(76,623)	-21.01%

(Nguồn: Phòng giao dịch Vietcombank Sala - Chi nhánh Thủ Thiêm)



Biểu đồ 2.9. Phân tích dư nợ theo thời gian của Vietcombank Sala giai đoạn 2021 – 2023

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

2.2.2.3.1. Dư nợ theo thời gian

Dựa vào dữ liệu trên có thể thấy qua 3 năm 2021, 2022, 2023 phần nguồn vốn chủ yếu của Vietcombank Sala dồn vào cho vay ngắn hạn đem đến tỷ trọng dư nợ ngắn hạn chiếm đa số trong tổng dư nợ và có thiên hướng tăng liên tục. Nhu cầu vốn ngắn hạn để kinh doanh tại Thành Phố Hồ Chí Minh là rất lớn, nhằm đáp ứng nhu cầu này, đồng thời mở rộng quy mô hoạt động cho vay của Ngân hàng, Vietcombank Sala đã tập trung đầu tư phần lớn nguồn vốn vào hoạt động cho vay ngắn hạn, có thể thấy rõ ở chỉ tiêu dư nợ ngắn hạn tăng liên tục trong giai đoạn 2021 – 2023. Dựa theo dữ liệu dư nợ ngắn hạn thấy rằng, năm 2022 dư nợ ngắn hạn tăng 2,380 triệu đồng [0.2%] so với năm 2021. Năm 2023 dư nợ ngắn hạn tăng 38,745 triệu đồng [3.23%] so với năm 2022. Qua đó có thể thấy quy mô tín dụng của Ngân hàng đang dần mở rộng.

Tuy nhiên, dựa theo dữ liệu dư nợ trung và dài hạn thấy rằng, năm 2022 dư nợ trung và dài hạn giảm 9,963 triệu đồng [2.66%] so với năm 2021. Năm 2023 dư nợ trung và dài hạn giảm 76,623 triệu đồng [21.01%] so với năm 2022. Dư nợ trung và dài hạn giảm dần trong giai đoạn này là do một số khoản vay đã đến hạn, Ngân hàng tiến hành thu nợ. Doanh số thu nợ vay tăng lên đồng thời dư nợ trung và dài hạn giảm xuống.

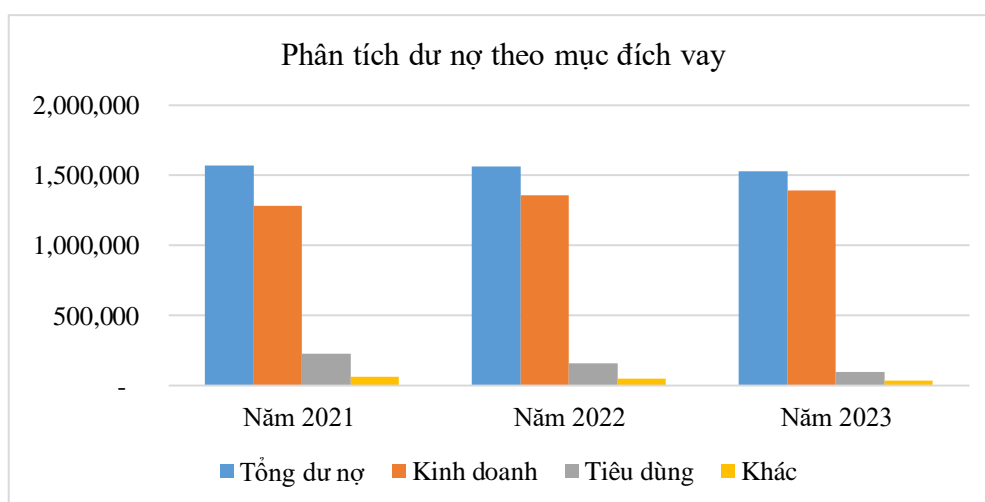
2.2.2.3.2. Dư nợ theo mục đích vay

Bảng 2.11. Dư nợ theo thời gian của Vietcombank Sala giai đoạn 2021 – 2023

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2022 với		So sánh 2023 với	
				2021		2022	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Tổng dư nợ	1,571,712	1,564,129	1,526,251	(7,583)	-0.48%	(37,877)	-2.42%
Kinh doanh	1,282,297	1,357,664	1,392,183	75,367	5.88%	34,520	2.54%
Tiêu dùng	224,664	158,237	98,135	(66,427)	-29.57%	(60,102)	-37.98%
Khác	64,751	48,228	35,933	(16,523)	-25.52%	(12,295)	-25.49%

(Nguồn: Phòng giao dịch Vietcombank Sala - Chi nhánh Thủ Thiêm)



Biểu đồ 2.10. Phân tích dư nợ theo mục đích vay của Vietcombank Sala giai đoạn 2021 – 2023

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Lĩnh vực kinh doanh luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Ngân hàng, khi luôn chiếm tỷ trọng cao trong hầu hết các chỉ tiêu của hoạt động cho vay tại Ngân hàng và đối với chỉ tiêu dư nợ cũng vậy. Dựa vào bảng dữ liệu và biểu đồ có thể thấy rõ tỷ trọng của dư nợ theo mục đích vay kinh doanh chiếm lớn như thế nào. Năm 2022, tăng 75,367 triệu đồng [5.88%] so với năm 2021. Năm 2023, tăng 34,520 triệu đồng [2.54%] so với năm 2022.

Giai đoạn này Việt Nam ta đang tích cực tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế từ đó mang lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp đồng thời cũng gặp nhiều thách thức, để tăng cường nâng cao khả năng cạnh tranh và mở rộng quy mô kinh doanh thì vốn vay Ngân hàng là vô cùng cần thiết. Dư nợ cho vay kinh doanh tăng lên, điều này cho thấy Vietcombank Sala đang ngày càng mở rộng và nâng cao công tác sử dụng vốn huy động.

Dựa theo dữ liệu thu thập được dư nợ vay tiêu dùng có thể thấy dư nợ vay tiêu dùng giảm đi nhiều, tỷ trọng chiếm dưới 15%. Năm 2021, dư nợ vay tiêu dùng ở mức 224,664 triệu đồng. Năm 2022, dư nợ vay tiêu dùng ở mức 158,237 triệu đồng, giảm 66,427 triệu đồng [29.57%] so với năm 2021. Năm 2023, dư nợ vay tiêu dùng ở mức 98,135 triệu đồng, giảm 60,102 triệu đồng [37.98%] so với năm 2022. Điều này là do công tác chọn lọc của cán bộ tín dụng, chọn lọc những khách hàng đảm bảo sự uy tín, thiện chí thanh toán nợ đúng hạn. Mặt khác, do một bộ phận người dân có xu hướng tiết kiệm (giảm chi – tăng thu) cho mục đích tương lai.

Dư nợ mục đích vay khác trong những năm qua giảm liên tục với tỷ trọng chiếm không cao. Năm 2022 giảm 16,523 triệu đồng so với năm 2021, năm 2023 giảm 12,295 triệu đồng so với năm 2022.

Nói chung sự gia tăng của tổng dư nợ tại Vietcombank Sala thể hiện được hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, đã từng bước phát triển ổn định trong hoàn cảnh cạnh tranh ác liệt giữa các Ngân hàng thương mại.

2.2.2.4. Phân tích nợ quá hạn

Đối với hoạt động cho vay của Ngân hàng thì việc rủi ro là không thể nào tránh khỏi. Lợi nhuận và rủi ro là vấn đề nam giải luôn được các nhà quản trị chú trọng trong các chiến lược kinh doanh. Chỉ tiêu nợ quá hạn là chỉ tiêu phản ánh rõ nhất mức độ rủi ro của một Ngân hàng.

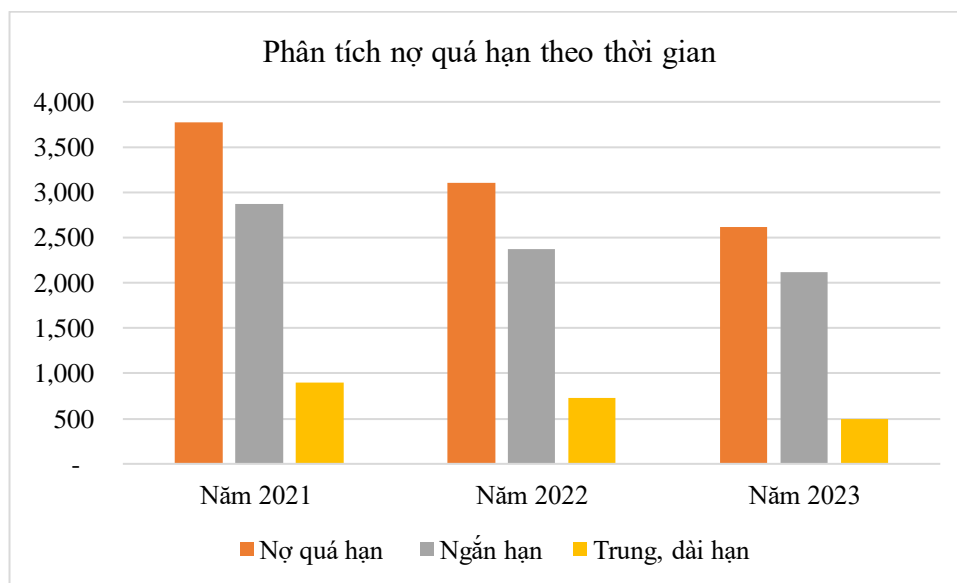
Hoạt động cho vay là yếu tố quan trọng hàng đầu ảnh hưởng trực tiếp đến sự sống của một Ngân hàng, do đó vấn đề bảo toàn vốn và lãi cho vay là vấn đề cơ bản nhất cần được lưu ý.

Bảng 2.12. Nợ quá hạn theo thời gian

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2022 với		So sánh 2023 với	
				2021		2022	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Nợ quá hạn	3,772	3,101	2,614	(671)	-17.79%	(487)	-15.70%
Ngắn hạn	2,873	2,378	2,121	(495)	-17.23%	(257)	-10.82%
Trung, dài hạn	899	723	493	(176)	-19.59%	(230)	-31.76%

(Nguồn: Phòng giao dịch Vietcombank Sala - Chi nhánh Thủ Thiêm)



Biểu đồ 2.11. Phân tích nợ quá hạn theo thời gian

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Dựa theo dữ liệu phân tích và biểu đồ cho thấy, đối với nợ quá hạn vay ngắn hạn năm 2022 giảm 495 triệu đồng [17.23%] so với năm 2021, năm 2023 giảm 257 triệu đồng [10.82%] so với năm 2022. Đối với nợ quá hạn vay trung và dài hạn, năm 2022 giảm 176 triệu đồng [19.59%] so với năm 2021, năm 2023 giảm 230 triệu đồng [31.76%] so với năm 2022.

Đây là một kết quả tốt cho của toàn thể cán bộ tín dụng đã nỗ lực, nhiệt tình, khéo léo trong công tác đôn đốc khách hàng trả nợ. Đồng thời cho thấy tình hình hoạt động kinh doanh của khách hàng có chuyển biến tích cực đã thực hiện tốt nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Bảng 2.13 . Nợ quá hạn theo mục đích vay

DVT: Triệu đồng

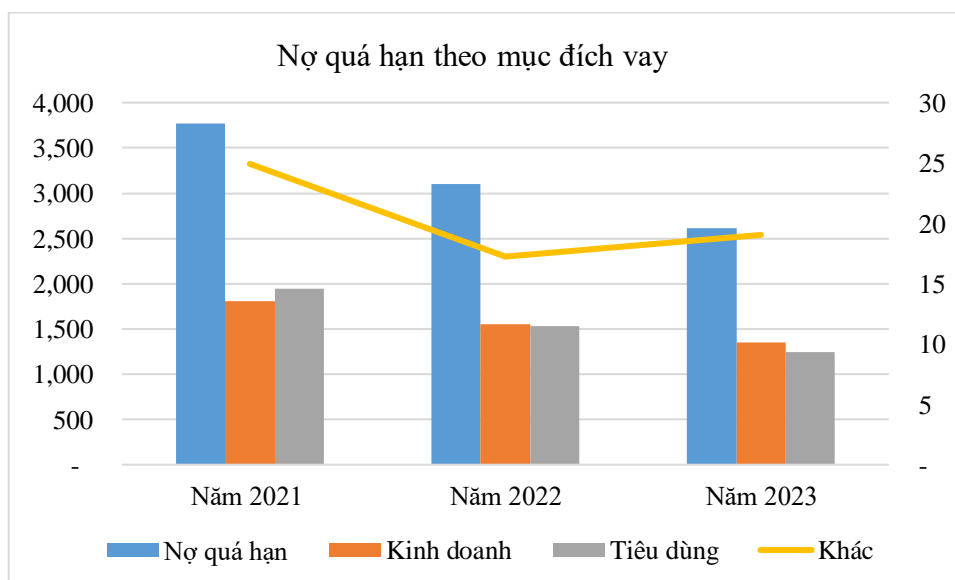
Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2022 với		So sánh 2023 với	
				2021		2022	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Nợ quá hạn	3,772	3,101	2,614	(671)	-17.79%	(487)	-15.70%
Kinh doanh	1,806	1,550	1,355	(256)	-14.17%	(195)	-12.58%
Tiêu dùng	1,941	1,534	1,240	(407)	-20.98%	(294)	-19.15%
Khác	25	17	19	(8)	-30.82%	2	10.31%

(Nguồn: Phòng giao dịch Vietcombank Sala - Chi nhánh Thủ Thiêm)

Dựa vào bảng dữ liệu thu thập được cho thấy, năm 2022 nợ quá hạn vay kinh doanh giảm 256 triệu đồng [14.17%] so với năm 2021. Năm 2023 nợ quá hạn vay kinh doanh giảm 195 triệu đồng [12.58%] so với năm 2022.

Đối với nợ quá hạn vay tiêu dùng, Năm 2022 giảm 256 triệu đồng [14.17%] so với năm 2021. Năm 2023 nợ quá hạn vay tiêu dùng giảm 195 triệu đồng [12.58%] so với năm 2022.

Tương tự nợ quá hạn khác năm 2022 giảm 256 triệu đồng [14.17%] so với năm 2021. Năm 2023 nợ quá hạn vay theo mục đích khác giảm 195 triệu đồng [12.58%] so với năm 2022.



Biểu đồ 2.12. Phân tích nợ vay quá hạn theo mục đích vay

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Nói tóm lại, sự nỗ lực trong công việc của toàn thể cán bộ nhân viên Ngân hàng Vietcombank Sala đã đem lại những kết quả tích cực. Qua công các thẩm định cho vay, theo dõi quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng, đôn đốc khách hàng trả nợ, thu hồi và xử lý nợ quá hạn đã đem lại hiệu quả cho vay tốt cho Ngân hàng. Công việc kinh doanh của khách hàng ổn định và phát triển tạo điều kiện cho khách hàng thanh toán khoản nợ đúng hạn.

2.2.3. Các chỉ số đánh giá hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

Bảng 2.14. Các chỉ số đánh giá hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Dư nợ	1,571,712	1,564,129	1,526,251
Tổng tài sản	2,736,917	3,508,347	3,558,246
Vốn huy động	2,460,227	3,034,105	3,154,971
Nợ quá hạn	3,772	3,101	2,614
Lợi nhuận ròng	42,586	57,871	63,935
Tổng thu nhập	164,679	200,531	241,918
Tổng chi phí	141,234	168,161	205,011
Dư nợ/Vốn huy động	0.64	0.52	0.48
Nợ quá hạn/Dư nợ	0.24%	0.20%	0.17%
Lợi nhuận ròng/ Tổng tài sản	1.56%	1.65%	1.80%
Lợi nhuận ròng/ Thu nhập	25.86%	28.86%	26.43%
Tổng chi phí/ Tổng thu nhập	85.76%	83.86%	84.74%

(Nguồn: Phòng giao dịch Vietcombank Sala - Chi nhánh Thủ Thiêm)

2.2.3.1. Tổng dư nợ/Nguồn vốn huy động

Dựa vào bảng dữ liệu phân tích có thể thấy tình hình huy động vốn của Vietcombank Sala tăng trong 3 năm qua, tuy nhiên tỷ lệ dư nợ trên huy động vốn lại

quá thấp cụ thể lần lượt các năm 2021, 2022 và 2023 là [0.64; 0.52; 0.48]. Điều này là không tốt, vì Ngân hàng vẫn chưa sử dụng nguồn vốn huy động tốt.

2.2.3.2. Nợ quá hạn/ Tổng dư nợ

Dựa vào bảng dữ liệu phân tích có thể thấy, tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ trong những năm qua có sự chuyển biến giảm dần và nằm ở mức thấp.

Năm 2021 tỷ lệ nợ quá hạn là 0.24%.

Năm 2022 tỷ lệ nợ quá hạn là 0,2%, giảm 0,04% so với năm 2021.

Năm 2023 tỷ lệ nợ quá hạn là 0,17%, tăng 0,03% so với năm 2022.

2.2.3.3. Lợi nhuận ròng/ Tổng tài sản

Dựa vào bảng dữ liệu phân tích có thể thấy, chỉ số này năm 2021 là 1.56%, năm 2022 là 1.65% tăng so với 2021, năm 2023 là 1.80% tăng so với năm 2022, điều này cho thấy hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng được nâng cao, cơ cấu tài sản của Ngân hàng hợp lý.

2.2.3.4. Lợi nhuận ròng/ Thu nhập

Dựa vào bảng dữ liệu phân tích có thể thấy, năm 2021 là 25.86%, năm 2022 là 28.86% tăng so với năm 2021, và năm 2023 là 26.43% giảm so với năm 2022. Năm 2022, cứ một đồng thu nhập thì thu về được 0,2886 đồng lợi nhuận ròng, thấy được hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng đã có một chiến lược kinh doanh hợp lý. Năm 2023, cứ một đồng thu nhập thì được 0,2643 đồng lợi nhuận ròng, tăng chậm lại so với năm 2022.

2.2.3.5. Tổng chi phí/ Thu nhập

Dựa vào bảng dữ liệu phân tích có thể thấy, năm 2021 chỉ số này là 85.76%, năm 2022 chỉ số này là 83.86% và năm 2023 là 84.74%. Chỉ số tổng chi phí/ tổng thu nhập luôn nhỏ hơn 1, điều này cho thấy Ngân hàng đã hoạt động có hiệu quả trong giai đoạn này. Mặt khác, Ngân hàng vẫn cần có sự cải tiến các giải pháp nhằm hạ thấp hơn nữa các chi phí chưa hợp lý làm nền móng cho việc giảm lãi suất cho vay để hạn chế rủi ro và tăng vị thế cạnh tranh của Ngân hàng.

2.3. XEM XÉT CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Thống kê mô tả

Tổng		Số lượng	Tỷ lệ
		31	100%
Giới tính	Nam	15	48.4%
	Nữ	12	38.7%
	Khác	4	12.9%
Độ tuổi	Dưới 20	4	12.9%
	21-30	19	61.3%
	31-40	4	12.9%
	41-50	4	12.9%
Kinh nghiệm	Dưới 1 năm	17	54.8%
	1-3 năm	8	25.8%
	4-6 năm	4	12.9%
	Trên 6 năm	2	6.5%

2.4. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – PGD SALA – CHI NHÁNH THỦ THIÊM

2.4.1. Thành tựu

Dựa trên kết quả phân tích dữ liệu của hoạt động cho vay tại Ngân hàng có thể thấy, vốn huy động của Ngân hàng tăng đều qua từng năm của giai đoạn trong đó khoản tiền gửi của khách hàng chiếm tỷ trọng cao nhất. Doanh số cho vay và doanh số thu nợ cũng tăng đều qua các năm, vậy nên tổng dư nợ và nợ quá hạn của Ngân hàng cũng giảm dần, đặc biệt tỷ lệ nợ quá hạn luôn nằm trong mức thấp.

Bên cạnh đó, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – PGD Sala – Chi nhánh Thủ Thiêm cũng đã thành công trong công cuộc xây dựng hình ảnh, uy tín của Ngân hàng bằng sự phục vụ tận tình; chu đáo, cơ sở vật chất khang trang, kỹ thuật công nghệ hiện đại, sản phẩm dịch đa dạng,...

2.4.2. Tồn tại

- Chưa tiếp cận được nhiều nguồn khách hàng cá nhân có nhu cầu vay tiêu dùng trên địa bàn, các vùng lân cận.
- Vốn huy động chưa sử dụng hiệu quả (dư thừa vốn).

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CHO VAY VÀ ĐƯA RA MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – PGD SALA – CHI NHÁNH THỦ THIÊM

3.1. GIẢI PHÁP

Dựa trên đánh giá kết quả phân tích hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank – PGD Sala – CN Thủ Thiêm và mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả của hoạt động cho vay để đưa ra các giải pháp nhằm cải thiện và phát triển tình hình hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

- Chiến lược phát triển: xác định mục tiêu dài hạn, phân tích thực trạng thị trường và đối thủ cạnh tranh. Xây dựng chiến lược về kỹ thuật công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, marketing, quản lý rủi ro, tuân thủ pháp lý, quan hệ khách hàng.
- Chính sách tín dụng: cần thường xuyên được đánh giá và cải tiến dựa trên sự chuyển biến của nền kinh tế hay xu hướng của thị trường.
- Cơ sở vật chất: trang bị đầy đủ công nghệ hiện đại tiên tiến, thường xuyên tu dưỡng và bảo trì trang thiết bị.
- Nhân viên Ngân hàng: Đào tạo cán bộ nhân viên có năng lực, sáng tạo, thường xuyên xây dựng khóa học về nghiệp vụ cho nhân viên, tạo cơ hội cho nhân viên tiếp xúc, trao đổi kinh nghiệm với các đồng nghiệp trong và ngoài đơn vị công tác. Xây dựng môi trường làm việc năng động, lành mạnh. Đôn đốc công tác tuyển dụng lực lượng nhân viên trẻ tuổi, năng động, nhiệt huyết.
- Sự phối hợp: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank – PGD Sala – CN Thủ Thiêm cùng kết hợp với UBND các cấp để lập kế hoạch triển khai các chính sách; chương trình tín dụng phù hợp với nhu cầu và tình hình khu vực. Đề nghị UBND các cấp cần hỗ trợ trong việc phân bổ và xác định đối tượng khách hàng có nhu cầu vay vốn trong và ngoài khu vực.

- Khách hàng: Tìm kiếm, mở rộng quy mô nguồn khách hàng tiềm năng có nhu cầu vay vốn. Đề nghị khách hàng đi vay cung cấp thông tin và hồ sơ pháp lý đầy đủ. Đồng thời là thiện chí trả nợ đúng hạn của Khách hàng khi khoản nợ đến hạn.

3.2. KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ

3.2.1. Kết luận

Trong giai đoạn 2021 – 2023, cùng với sự phát triển và phục hồi sau đại dịch Covid – 19 của nền kinh tế thành phố, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – PGD Sala – Chi nhánh Thủ Thiêm đã luôn không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng phục vụ, cải tiến đa dạng các sản phẩm từ đó nâng cao kết quả hoạt động cho vay của Ngân hàng. Đồng thời là sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của toàn thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên của Ngân hàng đã đem lại kết quả đáng trân quý. Điều này đã được chứng minh qua việc phân tích các con số dựa trên báo cáo tài chính của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – PGD Sala – Chi nhánh Thủ Thiêm.

3.2.2. Kiến nghị

- ❖ Đối với chính quyền UBND các cấp: hỗ trợ Ngân hàng trong quá trình thu hồi nợ quá hạn và giải quyết các tranh chấp phát sinh. Đồng thời hỗ trợ Ngân hàng mở rộng phạm vi nguồn lực khách hàng. Giới thiệu các cá nhân, tổ chức có nhu cầu tín dụng.
- ❖ Đối với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank – PGD Sala – CN Thủ Thiêm
 - Thường xuyên tăng cường mở thêm các lớp đào tạo chuyên về thẩm định tín dụng.
 - Xây dựng mối quan hệ, phối hợp với các trường trung học, cao đẳng, đại học.
 - Tăng cường, đôn đốc công tác tìm kiếm nguồn khách hàng không chỉ ở trong khu vực mà từ các nơi địa phương khác, tỉnh thành khác.
 - Tăng cường công tác tuyên truyền về chương trình ưu đãi lãi suất cho vay, lãi suất huy động đưa thương hiệu Vietcombank vang rộng ra toàn quốc, thu hút thêm lượng khách hàng.
 - Phát huy việc duy trì tỷ lệ nợ quá hạn thấp dưới 1%, bằng cách thẩm định hồ sơ vay một cách trung thực, theo dõi sát sao việc sử dụng vốn của khách hàng, thông báo cho khách hàng khi đến hạn thanh toán nợ.

- Tạo điều kiện môi trường ổn định cho các cán bộ nhân viên trong Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng đời sống để họ phát huy tinh thần làm việc năng động.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS. Trâm Thị Xuân Hương (2012). *Giáo trình Nghiệp Vụ Ngân Hàng*. Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021, 2022, 2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
3. Nguyễn Thị Thanh Bình (15/02/2022). Hoạt động ngành Ngân hàng năm 2021, dự báo năm 2022 và khuyến nghị. *Tạp chí Ngân hàng*. <https://tapchinganhang.gov.vn/hoat-dong-nganh-ngan-hang-nam-2021-du-bao-nam-2022-va-khuyen-nghi.htm>. 10/06/2024.
4. TS. Chử Văn Lâm (11/03/2022). Kinh tế 2021-2022: Việt Nam và Thế giới. *Tạp chí điện tử*. <https://vneconomy.vn/kinh-te-2021-2022-viet-nam-va-the-gioi.htm>. 10/06/2024.
5. (01/04/2023). Quá trình hình thành và phát triển. *Vietcombank*. <https://www.vietcombank.com.vn/vi-VN/Ve-Vietcombank>. 10/06/2024.
6. Nguyễn Thị Nga (2024). Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động cho vay tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức*, 60. <https://hdujs.edu.vn/index.php/hdujs/article/view/62>
7. Tam, P.T., Thuy, L.T. (2024), “Financial Capacity Affecting the Credit Lending Activities at the Commercial Banks Post-Covid-19 in Vietnam”, *Montenegrin Journal of Economics*, Vol. 20, No. 2, pp. 7-17.